

‘ 002491

‘E_u 2019-074



‘E_u

2019 2019

E_u H à H H à H à
 à à ~ b à ~
 Â
 H H Â
 E_u à h (h
) ' - à à Â

2019

2019

2019

2019

	10,603,113,656.71	10,376,062,777.64	2.19%	
	5,121,361,847.34	5,126,362,739.08	-0.10%	
	1,062,755,558.95	6.46%	2,873,372,018.53	-13.74%
	47,272,573.84	-60.32%	84,179,662.30	-82.07%
	32,650,457.43			

Ενδεικτική κατάσταση ετήσιου προϋπολογισμού για το έτος 2019

□ √

Ενδεικτική κατάσταση ετήσιου προϋπολογισμού για το έτος 2019

Κατάσταση

1. Κατάσταση = Π. 10

β

	99,258	Π ̢̣̣		
--	--------	---	--	--

ĐỀ THI	ĐỀ THI	7,300,000		7,300,000
ĐỀ THI	ĐỀ THI	5,976,000		5,976,000
		5,000,030		5,000,030
		5,000,000		5,000,000
		4,523,619		4,523,619
		ĐỀ THI 93.44%		
		ĐỀ THI		
10	ĐỀ THI	ĐỀ THI		

ĐỀ THI 10 ĐỀ THI 10 ĐỀ THI

□ √

ĐỀ THI 10 ĐỀ THI 10 ĐỀ THI

2 ĐỀ THI ĐỀ THI 10 ĐỀ THI

□ √ ĐỀ THI



H_u

ă h - ă - 1 u

√ □ b

1 ă 42.38% h ŵ ŷ Ÿ

2 ă ± 100% ‘E E F ĭ 1 u

100% h ĭ Ne

3 ă 39.45% h

4 ă ĭ u ± 68.51% h

5 ă ± 129.77% h Ne

6 ă ± 76.94% h UTS

7 ă 30.54% h ‘E_u ô

8 ă ± 72.29% h T

9 ă ĭ u 39.14% h

10 ă ± 49.87% h ‘E_u 1 1

11 ă ± 44.67% h Ne

12 ă 50.87% h ă

13 ă u ± 172.88% h Ne

14 ă 30.45% h Ne “ u ”

15 ă ± 34.43% h

16 ă 80.83% h Ne Ne

17 ă 136.24% h

18 ă u 188.04% h ă ă

19 ă u 147.88% h

20 ă E ± 3268.81% h Ă

H_u ă H ĭ = Ne

□ √ b

√ □ b

‘E_u g 2018 10 9 ă2018 10 26 H_u ‘E ă2018 ê

g ‘E_u ĭ Ă ‘E_u g 2019 5 8 H_u H_u H_u ê g

ĭ Ă ê g E ĭ ‘E - 2018-117 ă H_u

Ă ‘E_u b g Ă 7,500 b

Ă 15,000 , E b Ă 13 / Ă

H_u Ă, Ă ê ĭ Ă http://www.cninfo.com.cn Ă ‘E Ă

2019 10 25 ‘E_u Ă ‘E Ă Ă ĭ ă ê g

E_u à ì 2019 E_u

□ √ 2019

E_u 2019 ì 2019 E_u 2019

2019

□ √ 2019

E_u 2019 2019

2019 2019 2019

√ □ 2019

--	--	--	--

2019 01 19